CHUYỂN ĐỔI SỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN NĂNG LỰC THỰC THI CƠ CHẾ TỰ CHỦ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP: THỰC TIỄN TỪ ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Võ Minh Trí
Đại học Trà Vinh
Email: minhtritvu@tvu.edu.vn

Tóm tắt: *Chuyển đổi số gắn với tự chủ đại học là xu thế tất yếu và định hướng chiến lược trong đổi mới giáo dục đại học công lập, được thể chế hóa qua Luật Giáo dục đại học và các văn bản pháp lý liên quan. Tuy nhiên, năng lực thực thi tự chủ còn phụ thuộc vào hệ thống quản lý nội bộ, trong đó chuyển đổi số giữ vai trò quan trọng. Bài báo phân tích tác động của chuyển đổi số đến năng lực thực thi tự chủ tại Đại học Trà Vinh, một trường đại học công lập đang thực hiện tự chủ toàn diện. Trên cơ sở phân tích tài liệu và dữ liệu khảo sát, nghiên cứu đánh giá tác động của chuyển đổi số đối với các lĩnh vực tổ chức nhân sự, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tài chính và trách nhiệm giải trình. Kết quả cho thấy chuyển đổi số góp phần nâng cao năng lực quản lý, đồng thời làm rõ các rào cản về thể chế và văn hóa tổ chức. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi tự chủ đại học trong môi trường số.*

Từ khóa: *chuyển đổi số, tự chủ đại học, cơ chế thực thi*

THE IMPACT OF DIGITAL TRANSFORMATION ON THE CAPACITY TO IMPLEMENT AUTONOMY MECHANISMS IN PUBLIC HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS: PRACTICAL INSIGHTS FROM TRA VINH UNIVERSITY

Abstract: *Digital transformation associated with university autonomy has become an inevitable trend and a strategic direction in the reform of public higher education, as institutionalized through the Law on Higher Education and related legal documents. However, the effective implementation of university autonomy also depends on internal governance systems, in which digital transformation plays a critical role. This article analyzes the impact of digital transformation on the capacity to implement university autonomy at Tra Vinh University, a public higher education institution currently pursuing comprehensive autonomy. Based on document analysis and survey data, the study examines the effects of digital transformation on organizational and human resource autonomy, teaching, scientific research, financial management, and accountability. The findings indicate that digital transformation contributes to strengthening institutional governance capacity while also revealing barriers related to institutional frameworks and organizational culture. Accordingly, the study proposes several solutions to enhance the effectiveness of university autonomy implementation in the digital environment.*

Keyword: *digital transformation, university autonomy, implementation mechanism*

Nhận bài: 26/08/2026 *Phản biện: 26/09/2026* *Duyệt đăng: 29/09/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động sâu rộng đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, trong đó giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh mẽ. Sự phát triển của công nghệ số và chuyển đổi số đang từng bước tái định hình phương thức quản lý, tổ chức đào tạo và cung cấp dịch vụ giáo dục. Trong bối cảnh đó, các cơ sở giáo dục đại học cần xác định chiến lược phát triển phù hợp, bảo đảm chất lượng đào tạo, đồng thời nâng cao năng lực số của đội ngũ viên chức và hoàn thiện hạ tầng công nghệ phục vụ quản trị.

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học không chỉ là trang bị phần mềm hay thiết bị hiện đại mà là quá trình tích hợp công nghệ vào toàn bộ hoạt động của nhà trường, qua đó thay đổi phương thức quản lý và cung cấp dịch vụ hành chính. Quá trình này góp phần tăng cường tính minh bạch, liên thông dữ liệu và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm giải trình, đặc biệt trong bối cảnh các trường đại học công lập thực hiện cơ chế tự chủ.

Đại học Trà Vinh là cơ sở giáo dục đại học công lập tại Đồng bằng sông Cửu Long, phát triển từ mô hình cao đẳng cộng đồng. Trong những năm gần đây, nhà trường đẩy mạnh chuyển đổi số và được trao giải thưởng Chuyển đổi số xuất sắc của Hội Truyền thông số Việt Nam và Tạp chí điện tử VietTimes trong ba năm liên tiếp 2022, 2023 và 2024. Đây là cơ sở thực tiễn để phân tích mối quan hệ giữa chuyển đổi số và năng lực thực thi tự chủ đại học.

Tuy nhiên, các thành tựu về chuyển đổi số chưa đồng nghĩa với việc cơ chế tự chủ đại học

đã được thực hiện đầy đủ. Trong bối cảnh các quy định pháp lý về quản lý viên chức, tổ chức hoạt động và khoa học công nghệ tiếp tục được hoàn thiện, cần đánh giá mức độ chuyển đổi số tại Đại học Trà Vinh hỗ trợ thực thi quyền tự chủ như thế nào. Vì vậy, bài viết tập trung phân tích thực trạng tác động của chuyển đổi số đến năng lực thực thi tự chủ tại Đại học Trà Vinh, nhận diện những khó khăn, thách thức và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tự chủ đại học trong môi trường số.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp với khảo sát thực tế. Nguồn tài liệu gồm các văn bản, chính sách về tự chủ đại học và chuyển đổi số, các công trình nghiên cứu liên quan và báo cáo của Đại học Trà Vinh, qua đó phân tích thực trạng chuyển đổi số trong thực thi tự chủ đại học.

Bên cạnh đó, nghiên cứu khảo sát 173 viên chức gồm giảng viên, chuyên viên và cán bộ quản lý nhằm đánh giá thực trạng triển khai chuyển đổi số tại nhà trường. Khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ; dữ liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS để tổng hợp kết quả nghiên cứu.

III. THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN NĂNG LỰC THỰC THI TỰ CHỦ TẠI ĐẠI HỌC TRÀ VINH

3.1. Khái quát quá trình chuyển đổi số trong thực thi tự chủ tại Đại học Trà Vinh

Đại học Trà Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa cấp, định hướng ứng dụng và phục vụ cộng đồng, với sứ mệnh "Người học thành đạt – Viên chức hạnh phúc – Nhà trường chất lượng – Cộng đồng phát triển". Từ năm 2019, nhà trường từng bước thực hiện tự chủ theo Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018, đồng thời định hướng phát triển thành Đại học Xanh giai đoạn 2026–2035 với giá trị cốt lõi "Tận tâm – Minh bạch – Thân thiện – Sáng tạo", trong đó chú trọng chuyển đổi số trong quản trị, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Nhà trường đã đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và triển khai TVU Management System (TMS) với các phân hệ quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, nhân sự và cơ sở vật chất. Đồng thời, các hệ thống quản lý công văn, giao việc, ký túc xá, E-learning và Học tập thông minh được triển khai cùng các giải pháp bảo mật, an toàn thông tin.

3.2. Về tổ chức, nhân sự và quản lý viên chức

Tự chủ về tổ chức và nhân sự đòi hỏi dữ liệu chính xác, kịp thời và minh bạch. Phân hệ Quản lý nhân sự trong TMS đã số hóa các quy trình tuyển dụng, tiếp nhận hồ sơ, quản lý hợp đồng, bổ nhiệm, điều chuyển, nâng lương và đánh giá viên chức, qua đó hình thành cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ quản trị và ra quyết định.

Theo Nghị định số 259/2026/NĐ-CP, quản lý viên chức đặt ra yêu cầu cao hơn về vị trí việc làm, ứng dụng khoa học công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời tăng quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp tự chủ. Nghị định số 299/2026/NĐ-CP cũng yêu cầu tổ chức bộ máy tinh gọn, quản trị dựa trên kết quả, gắn tự chủ với chuyển đổi số và trách nhiệm giải trình. Do đó, hệ thống quản lý của nhà trường cần được cập nhật phù hợp với khuôn khổ pháp lý mới.

Trong lĩnh vực khoa học công nghệ, theo Nghị định 125/2026/NĐ-CP, phân hệ Quản lý khoa học công nghệ trên TMS hỗ trợ cập nhật, lưu trữ và trích xuất hồ sơ khoa học của giảng viên, viên chức, gồm bài báo trong và ngoài nước, chỉ số ISI/Scopus, đề tài, bằng sáng chế, giáo trình và các hoạt động học thuật. Dữ liệu này phục vụ đánh giá viên chức, bổ nhiệm chức danh khoa học và báo cáo quản lý.

3.3. Về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tự chủ đại học cho phép cơ sở giáo dục chủ động mở ngành, xây dựng chương trình, chuẩn đầu ra và tổ chức hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học. Điều này đòi hỏi việc quản lý khối lượng công việc của giảng viên phải khoa học, công bằng và minh bạch.

Đại học Trà Vinh đã triển khai hệ thống theo dõi định mức giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hệ thống tự động tính giờ chuẩn, phát hiện vượt hoặc thiếu giờ; theo dõi tiến độ đề tài, sản phẩm khoa học công nghệ và giờ phục vụ cộng đồng; đồng thời xuất báo cáo theo khoa, bộ môn và cá nhân để phục vụ đánh giá viên chức và tính thu nhập tăng thêm. Dữ liệu giảng dạy trực tuyến như số lượt tương tác, số học phần và số lượng người học cũng được tích hợp vào hệ thống.

Nội dung		Frequency	Percent (%)	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít cần thiết	7	4,0	4,0	4,0
	Cần thiết	55	31,8	31,8	35,8
	Rất cần thiết	111	64,2	64,2	100,0
	Total	173	100,0	100,0	

Bảng 1. Dữ liệu khảo sát đối với giảng viên

(Nguồn: kết quả khảo sát tại Đại học Trà Vinh)

Qua khảo sát 173 viên chức tại Đại học Trà Vinh, kết quả cho thấy chuyển đổi số được đánh giá cao trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Có 64,2% người được khảo sát cho rằng chuyển đổi số là rất cần thiết, 31,8% cho rằng cần thiết và 4% cho rằng ít cần thiết. Kết quả này cho thấy chuyển đổi số có vai trò quan trọng trong quản lý hoạt động chuyên môn, từ theo dõi giờ giảng, điểm số đến kê khai khối lượng giảng dạy cuối năm theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tuy nhiên, một hạn chế đáng chú ý là việc quy đổi các hoạt động đặc thù như tư vấn chính sách cho địa phương, chuyển giao công nghệ và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu sang giờ chuẩn chưa được thống nhất. Điều này có thể tạo ra chênh lệch giữa khối lượng công việc thực tế và dữ liệu được ghi nhận trên hệ thống, ảnh hưởng đến tính công bằng trong đánh giá và chi trả thu nhập.

3.4. Về tự chủ tài chính

Tự chủ tài chính là nội dung quan trọng của tự chủ đại học, đòi hỏi dữ liệu chính xác và liên thông. Việc chi trả thu nhập tăng thêm cần dựa trên hiệu quả và kết quả công việc, trong đó chuyển đổi số hỗ trợ thu thập, xử lý và kết nối dữ liệu.

Hệ thống TMS của Đại học Trà Vinh đang liên thông dữ liệu đánh giá công việc với phân hệ nhân sự và tài chính để tính thu nhập tăng thêm, phụ cấp và các khoản chi theo quy chế chi tiêu nội bộ. Qua đó, quá trình chi trả minh bạch hơn, giảm tranh chấp và hỗ trợ lãnh đạo theo dõi tình hình tài chính, phân bổ nguồn lực và ra quyết định đầu tư.

Tự chủ tài chính cũng gắn với trách nhiệm giải trình. Nền tảng số của trường hỗ trợ báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học (Hemis), đồng thời tạo thuận lợi cho việc tích hợp và đồng bộ dữ liệu.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số góp phần tăng cường công khai thông tin về học phí, chương trình đào tạo, điều kiện bảo đảm chất lượng, tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp và kết quả kiểm định trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

3.5. Bất cập, rào cản thực hiện chuyển đổi số trong thực thi tự chủ đại học

Bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình chuyển đổi số phục vụ tự chủ tại Đại học Trà Vinh vẫn tồn tại một số rào cản cần khắc phục.

3.5.1. Về sự đồng bộ giữa văn bản quản lý và tính năng của phần mềm

Việc thường xuyên ban hành, điều chỉnh các quy định về viên chức, tổ chức bộ máy và khoa học công nghệ có thể khiến phần mềm nội bộ chưa cập nhật kịp thời. Chẳng hạn, các tiêu chí đánh giá viên chức theo vị trí việc làm cần được bổ sung vào phần mềm; yêu cầu quản lý hồ sơ khoa học theo Nghị định 125/2026/NĐ-CP cũng đòi hỏi cập nhật các trường dữ liệu phù hợp. Sự thiếu đồng bộ này tạo khoảng cách giữa yêu cầu pháp lý và thực tiễn vận hành, khiến một số quy trình vẫn phải thực hiện thủ công song song với hệ thống số.

Nội dung		Frequency	Percent (%)	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Tác động trung bình	35	20,2	20,2	20,2
	Tác động nhiều	61	35,3	35,3	55,5
	Tác động rất mạnh	77	44,5	44,5	100,0
	Total	173	100,0	100,0	

Bảng 2. Dữ liệu khảo sát sự đồng bộ giữa văn bản pháp lý và tính năng hệ thống

(Nguồn: kết quả khảo sát tại Đại học Trà Vinh)

Kết quả khảo sát 173 viên chức cho thấy sự đồng bộ giữa văn bản quản lý và tính năng của hệ thống phần mềm là yêu cầu quan trọng trong quá trình chuyển đổi số. Có 44,5% người được khảo sát cho rằng văn bản quản lý tác động rất mạnh đến tính năng của hệ thống, 35,3% đánh giá tác động nhiều và 20,2% đánh giá tác động ở mức trung bình. Kết quả cho thấy khi các quy định quản lý thay đổi, hệ thống phần mềm cần được cập nhật kịp thời; đồng thời, quá trình xây dựng và điều chỉnh quy định cũng cần tính đến khả năng số hóa và vận hành trên hệ thống quản lý.

3.5.2. Văn hóa tổ chức và thói quen

Bên cạnh yếu tố công nghệ, năng lực số và thói quen làm việc của viên chức là một rào cản đáng chú ý đối với chuyển đổi số. Khi kỹ năng số còn hạn chế hoặc chưa nhận thức đầy đủ về lợi ích của công nghệ, viên chức có thể gặp khó khăn trong việc thích ứng với các quy trình và công cụ quản lý mới.

Tại Đại học Trà Vinh, một bộ phận viên chức đã quen với phương thức quản lý hành chính truyền thống còn gặp trở ngại khi chuyển sang môi trường làm việc dựa trên dữ liệu và nền tảng số. Quá trình này đòi hỏi sự thay đổi cả về tư duy quản trị và năng lực sử dụng công nghệ. Nếu năng lực số chưa đáp ứng yêu cầu, các hệ thống công nghệ có thể chưa được khai thác đầy đủ, thậm chí chỉ được sử dụng ở mức cơ bản hoặc mang tính hình thức, làm giảm hiệu quả đầu tư và chuyển đổi số của nhà trường.

Nội dung		Frequency	Percent (%)	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Tác động trung bình	17	9,8	9,8	9,8
	Tác động nhiều	104	60,1	60,1	69,9
	Tác động rất mạnh	52	30,1	30,1	100,0
	Total	173	100,0	100,0	

Bảng 3. Dữ liệu khảo sát về văn hóa tổ chức

(Nguồn: kết quả khảo sát tại Đại học Trà Vinh)

Kết quả khảo sát viên chức cho thấy văn hóa tổ chức và thói quen làm việc có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình chuyển đổi số phục vụ tự chủ đại học. Trong đó, 30,1% cho rằng yếu tố này làm chậm đáng kể quá trình chuyển đổi số, 60,1% đánh giá mức tác động nhiều và 9,8% cho rằng tác động ở mức trung bình. Kết quả cho thấy bên cạnh hạ tầng công nghệ, thay đổi thói quen làm việc và xây dựng văn hóa số cũng là yêu cầu quan trọng trong quá trình chuyển đổi số của nhà trường.

3.5.3. Tích hợp hệ thống

Một rào cản trong chuyển đổi số là dữ liệu về nhân sự, đào tạo, nghiên cứu khoa học và tài chính có nguy cơ phân tán giữa các hệ thống. Khi dữ liệu chưa được liên thông và xử lý theo thời gian thực, việc tổng hợp báo cáo còn phụ thuộc vào thao tác thủ công, làm tăng nguy cơ sai lệch và hạn chế khả năng phân tích, dự báo, ra quyết định. Điều này chưa đáp ứng nguyên tắc dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" và "dữ liệu cập nhật một lần, sử dụng nhiều lần".

Kết quả khảo sát cho thấy 52,6% người được hỏi đánh giá tích hợp hệ thống có tác động rất mạnh đến chuyển đổi số, 37,6% cho rằng tác động nhiều và 9,8% đánh giá tác động trung bình. Kết quả này cho thấy tích hợp hệ thống và xây dựng dữ liệu tập trung là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị số và thực thi tự chủ đại học.

Trong bối cảnh tự chủ tài chính, đầu tư công nghệ cần dựa trên kiến trúc tổng thể. Việc sử dụng các phần mềm rời rạc, thiếu chuẩn tích hợp và đánh giá hiệu quả có thể làm tăng chi phí vận hành, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và tính bền vững tài chính của nhà trường.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG THỰC THI TỰ CHỦ ĐẠI HỌC

4.1. Hoàn chỉnh các quy định quản lý nội bộ

Thực tiễn tại Đại học Trà Vinh cho thấy chuyển đổi số cần được vận hành trong một khung quản trị nội bộ phù hợp. Vì vậy, nhà trường cần chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, gắn chuyển đổi số với trách nhiệm giải trình.

Nhà trường cần rà soát và chuẩn hóa các quy định về tổ chức, tài chính, đánh giá và xếp loại viên chức theo hướng "dữ liệu hóa được". Các tiêu chí, chỉ số hiệu suất và quy trình nghiệp vụ cần được định lượng để có thể nhập liệu, truy vấn và trích xuất báo cáo tự động.

Đồng thời, cần cập nhật văn bản định kỳ 6 tháng/lần hoặc ngay khi có thay đổi pháp lý quan trọng. Các quy định và quyết định quản lý cần được số hóa, theo dõi và đánh giá trên nền tảng quản trị tập trung nhằm nâng cao hiệu lực thực thi tự chủ.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định hiệu quả chuyển đổi số. Đại học Trà Vinh cần xây dựng chính sách phát triển năng lực số toàn diện cho đội ngũ viên chức.

Thứ nhất, xây dựng khung năng lực số phù hợp với từng vị trí việc làm, từ cán bộ quản lý, chuyên viên đến giảng viên.

Thứ hai, đa dạng hóa hình thức đào tạo, bồi dưỡng trực tiếp, trực tuyến và kết hợp, phù hợp với định hướng của Nghị định 259/2026/NĐ-CP về ứng dụng công nghệ hiện đại trong đào tạo, bồi dưỡng viên chức.

Thứ ba, đưa năng lực làm chủ và khai thác công nghệ vào tiêu chí đánh giá hiệu suất và xếp loại viên chức hằng năm.

Bên cạnh đó, nhà trường cần xây dựng văn hóa số dựa trên minh bạch, chia sẻ dữ liệu và chủ động ứng dụng công nghệ, trong đó đội ngũ lãnh đạo giữ vai trò dẫn dắt quá trình thay đổi.

4.3. Tối ưu hóa hệ thống dữ liệu tập trung

Đại học Trà Vinh cần xây dựng kho dữ liệu tập trung với kiến trúc tích hợp linh hoạt, bảo đảm liên thông và xử lý dữ liệu theo thời gian thực giữa các phân hệ Quản lý nhân sự, Quản lý Đào tạo, Quản lý Nghiên cứu Khoa học và Quản lý Tài chính.

Dữ liệu tập trung giúp giảm sai sót do xuất, nhập thủ công, đồng thời tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và hỗ trợ phân tích, báo cáo, hoạch định chiến lược. Hệ thống dữ liệu của trường cũng cần được tích hợp với Cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tuân thủ tiêu chuẩn dữ liệu ngành và hạn chế báo cáo trùng lặp.

Đồng thời, nhà trường cần chuyển từ đầu tư thiết bị ngắn hạn sang quản trị vòng đời đầu tư số, bao gồm đánh giá nhu cầu, lựa chọn công nghệ, kiểm soát chi phí, đo lường hiệu quả và xây dựng lộ trình nâng cấp. Điều này đặc biệt quan trọng trong điều kiện tự chủ tài chính, khi nguồn lực dành cho chuyển đổi số cần được sử dụng hiệu quả và bền vững.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy chuyển đổi số góp phần nâng cao năng lực thực thi tự chủ tại Đại học Trà Vinh thông qua tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị. Chuyển đổi số không chỉ số hóa quy trình hành chính mà còn hỗ trợ đưa quyền tự chủ từ quy định pháp lý vào thực tiễn vận hành.

Các lĩnh vực tổ chức nhân sự, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, tài chính và giải trình được hỗ trợ bởi hệ thống quản trị số của nhà trường. Trong đó, các phân hệ nhân sự và khoa học công nghệ hỗ trợ thực hiện yêu cầu theo Nghị định 259/2026/NĐ-CP và Nghị định 125/2026/NĐ-CP; dữ liệu liên thông với phân hệ tài chính tạo cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm theo hiệu suất.

Để nâng cao hiệu quả tự chủ, nhà trường cần tập trung vào ba giải pháp: hoàn thiện quy định nội bộ phù hợp với quản trị số; xây dựng dữ liệu tập trung, liên thông; và phát triển nguồn nhân lực có năng lực số.

Thực tiễn tại Đại học Trà Vinh là kinh nghiệm tham khảo cho các cơ sở giáo dục đại học công lập đang thực hiện tự chủ. Thành quả chuyển đổi số được ghi nhận qua các giải thưởng trong ba năm liên tiếp là nền tảng để nhà trường tiếp tục nâng cao năng lực tự chủ theo hướng bền vững, minh bạch và gắn với trách nhiệm xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo số 1360/BC-ĐHTV ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Đại học Trà Vinh về báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số quý II và phương hướng nhiệm vụ quý III năm 2026.

Báo cáo số 296/BC-ĐHTV ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Đại học Trà Vinh về báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ (2026), "Dữ liệu khoa học công nghệ hướng tới 'cập nhật một lần, sử dụng nhiều lần", [https://mst.gov.vn/du-lieu-khoa-hoc-cong-nghe-huong-toi-cap-nhat-mot-lan-su-dung-nhieu-lan-197260911123641204.htm] (truy cập ngày 17/8/2026).

Đại học Trà Vinh, "25 năm mô hình Cao đẳng cộng đồng Việt Nam – Canada và bước chuyển quản trị của Đại học Trà Vinh", Trang thông tin điện tử Đại học Trà Vinh, [https://www.tvu.edu.vn/25-nam-mo-hinh-cao-dang-cong-dong-viet-nam-canada-va-buoc-chuyen-quan-tri-cua-dai-hoc-tra-vinh/] (truy cập ngày 15/8/2026).

Đại học Trà Vinh, "Lịch sử phát triển", Trang thông tin điện tử Đại học Trà Vinh, [https://www.tvu.edu.vn/lich-su-phat-trien/ (truy cập ngày 15/8/2026)] (truy cập ngày 15/8/2026).

Lê Thị Hoài Nghĩa (2026), "Chuyển đổi số trong Quản trị Đại học: Kinh nghiệm từ một số Trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh", Tạp chí khoa học chính trị, [https://khoahocchinhtri.vn/chuyen-doi-so-trong-quan-tri-dai-hoc-kinh-nghiem-tu-mot-so-truong-dai-hoc-tai-thanh-pho-ho-chi-minh-hien-nay/] (truy cập ngày 17/8/2026).

Luật giáo dục đại học 2012; Luật giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018.

Lương Ngọc, Vân An (2024), "Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học: Cơ hội tăng lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững?", Tạp chí Giáo dục, [https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89054/222/chuyen-doi-so-trong-cac-co-so-giao-duc-dai-hoc-co-hoi-tang-loi-the-canh-tranh-va-phat-trien-ben-vung/] (truy cập ngày 17/8/2026).

N.Đ.K (2025), "Hành trình lặng lẽ tiến lên giữa dòng chảy Giáo dục Việt Nam", Giáo dục và Thời đại, [https://giaoducthoidai.vn/hanh-trinh-lang-le-tien-len-giua-dong-chay-giao-duc-viet-nam-post757462.html] (truy cập ngày 31/8/2026).

Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức.

Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Ngọc Uyên (2022), "Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Những thách thức đặt ra và kiến nghị một số giải pháp", Cổng thông tin điện tử Ngành khoa học và công nghệ Thành phố Huế, [https://skhcn.hue.gov.vn/chuyen-doi-so/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc-nhung-thach-thuc-dat-ra-va-kien-nghi-mot-so-giai-phap.html] (truy cập ngày 17/8/2026).

Trần Thanh Khiết (2024), "Tác động của chuyển đổi số đối với giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí Quản lý nhà nước, [https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/12/26/tac-dong-cua-chuyen-doi-so-doi-voi-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-hien-nay/] (truy cập ngày 17/8/2026).